

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
Số: 1724/BVT-KD

V/v mời báo giá thuốc
cho Nhà thuốc Bệnh viện

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc mời báo giá thuốc Biệt dược gốc phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025 - 2027

Kính gửi: Các công ty sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh dược phẩm

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tài công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/2/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập.

Để có thêm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuốc Biệt dược gốc cho Nhà thuốc bệnh viện, Bệnh viện đề nghị công ty báo giá các thuốc hiện đang kinh doanh theo danh mục mời báo giá tại Phụ lục I kèm theo và báo giá theo mẫu Phụ lục II kèm theo.

Văn bản báo giá thuốc kèm tài liệu đề nghị gửi về địa chỉ: Ds Triệu Hồng Mây Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh - Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trước 16 giờ 30 phút ngày 23/06/2025. Đồng thời gửi kèm bản điện tử Báo giá tới địa chỉ email: nhathuocbvtqn@gmail.com

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị công ty liên hệ Khoa Dược-Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, số điện thoại: 0203.626.675

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng HCQT(để đăng tải) ;
- Lưu : VT.

Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông báo số 1724/BVT-KD ngày 12/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	BDG01	Cebrex	Cao khô lá Ginkgo Biloba hoặc Dịch chiết ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	60.000
2	BDG02	Nolvadex-D	Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat)	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.500
3	BDG03	Voltaren	Natri diclofenac	75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	1.000
4	BDG04	Mobic	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	40.000
5	BDG05	Voltaren Emulgel	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	3.600
6	BDG06	Voltaren	Diclofenac natri	100mg	Đặt hậu môn/trực tràng	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Viên	BDG	1.500
7	BDG07	Aerius	Desloratadin	0,5mg/ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai	BDG	2.500
8	BDG08	Topamax	Topiramát	25mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
9	BDG09	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	BDG	4.000
10	BDG10	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/1ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	4.800
11	BDG11	Tobrex	Tobramycin	3mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	800
12	BDG12	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	600
13	BDG13	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	200mg/5ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Lọ	BDG	450
14	BDG14	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	1.800
15	BDG15	Vigamox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/1ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	4.700
16	BDG16	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	BDG	750
17	BDG17	Sifrol	Pramipexole dihydrochloride monohydrate (tương đương 0,18mg pramipexole)	0,25mg	Uống	Viên	Viên	BDG	14.700
18	BDG18	Eprex 2000 U	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	BDG	2.000
19	BDG19	Micardis	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	18.000
20	BDG20	Pradaxa	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	110mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	1.700

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
21	BDG21	Pradaxa	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	150mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	500
22	BDG22	Fucidin	Acid Fusidic	2%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	910
23	BDG23	Daivonex	Calcipotriol	50mcg/g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	100
24	BDG24	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG	36.800
25	BDG25	Medrol	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên	Viên	BDG	83.000
26	BDG26	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên	Viên	BDG	31.600
27	BDG27	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	12.000
28	BDG28	Minirin	Desmopressin (dưới dạng Desmopressin acetat 0,1 mg)	0,089mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
29	BDG29	Travatan	Travoprost	0,04mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ống	BDG	90
30	BDG30	Sanlein 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ống	BDG	6.000
31	BDG31	Sanlein 0,3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ống	BDG	2.200
32	BDG32	Azopt	Brinzolamide	10mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ống	BDG	800
33	BDG33	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi	Chai/L ọ/Ống	BDG	1.400
34	BDG34	Otrivin	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	1.400
35	BDG35	Singulair	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.000
36	BDG36	Combivent	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng ipratropium bromide monohydrate); Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)	0,500mg + 2,500mg	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Nang/Ố ng/Lọ	BDG	20.000
37	BDG37	Berodual	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate); Fenoterol Hydrobromide	(0,02mg; 0,05mg)/nhát xịt	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	250
38	BDG38	Singulair 5mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.800

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
39	BDG39	Viartril-S	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamine sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamine sulfate	1178mg (tương đương 1500mg Glucosamine sulfate)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	40.000
40	BDG40	Telfast HD	Fexofenadine hydrochloride	180mg	Uống	Viên	Viên	BDG	19.000
41	BDG41	Depakine Chrono	Natri Valproate; Acid Valproic	333mg; 145mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	6.000
42	BDG42	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	20.000
43	BDG43	Xatral XL 10mg	Alfuzosin HCl	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	25.000
44	BDG44	Lovenox	Enoxaparin Natri	40mg/0,4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/L ọ/Ống/ Bơm tiêm/B út tiêm	BDG	210
45	BDG45	Cordarone	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG	15.000
46	BDG46	Duoplavin	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat); Acid acetylsalicylic	75 mg; 100 mg	Uống	Viên	Viên	BDG	50.000
47	BDG47	Plavix 75mg	Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương với Clopidogrel base	75mg	Uống	Viên	Viên	BDG	28.000
48	BDG48	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.700
49	BDG49	No-Spa forte	Drotaverine hydrochloride	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	121.000
50	BDG50	Lantus Solostar	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm/B út tiêm	BDG	440
51	BDG51	Cerebrolysin	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2 mg/ml	Tiêm/Ti êm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ống	BDG	22.000
52	BDG52	Emla	Lidocain; Prilocain	125mg/5g; 125mg/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	800
53	BDG53	Anaropin	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	5mg/ml	Tiêm/Ti êm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ống/ Bơm tiêm/B út tiêm	BDG	1.000
54	BDG54	Arcoxia 90mg	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	Viên	BDG	18.200
55	BDG55	Celebrex	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	24.500

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
56	BDG56	Aclasta	Acid zoledronic khan (tương ứng 5,33mg acid zoledronic monohydrate)	5mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ống/ Gói/Túi	BDG	70
57	BDG57	Xyzal	Levocetirizine dihydrochloride	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.600
58	BDG58	Bilaxten	Bilastine	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	80.000
59	BDG59	Keppra	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.500
60	BDG60	Lyrica	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	35.400
61	BDG61	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	35.000
62	BDG62	Tegretol 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.000
63	BDG63	Meronem	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	1000mg	Tiêm/Tr uyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ống/ Túi	BDG	3.000
64	BDG64	Augmentin 250mg/31,25mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg; 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	27.500
65	BDG65	Augmentin 500mg/62,5mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg; 62,5mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	25.000
66	BDG66	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	BDG	40.000
67	BDG67	Augmentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat potassium)	875mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	BDG	120.000
68	BDG68	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên	Viên	BDG	14.500
69	BDG69	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	70.000
70	BDG70	Dalacin C	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	300mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	4.500
71	BDG71	Klacid MR	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	5.400
72	BDG72	Avelox	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	400mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.200

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
73	BDG73	Eraxis	Anidulafungin	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ống	BDG	400
74	BDG74	Ciprobay 500	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin Hydrochlorid)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	50.000
75	BDG75	Diflucan	Fluconazole	150mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	1.500
76	BDG76	Avastin	Bevacizumab	100mg/4ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lo /túi/ống /gói	BDG	40
77	BDG77	Harnal Ocas 0,4mg	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	7.500
78	BDG78	Vesicare 5mg	Solifenacin succinate	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.100
79	BDG79	Avodart	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	4.500
80	BDG80	Vastarel MR	Trimetazidine dihydrochloride	35mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	60.000
81	BDG81	Coversyl 5mg	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	60.000
82	BDG82	Nebilet	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	12.000
83	BDG83	Betaloc Zok 25mg	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	23,75mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	80.000
84	BDG84	Amlor	Amlodipine	5mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	31.000
85	BDG85	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate); Valsartan	10mg ; 160mg	Uống	Viên	Viên	BDG	10.000
86	BDG86	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg; 80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	50.000
87	BDG87	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	15.000
88	BDG88	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	32.000
89	BDG89	Procoralan 7.5mg	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride) 7,5mg	7,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	12.000
90	BDG90	Procoralan 5mg	Ivabradin (dưới dạng Ivabradin hydrochloride) 5mg	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	13.000
91	BDG91	Xarelto	Rivaroxaban	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
92	BDG92	Xarelto	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
93	BDG93	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên	Viên	BDG	23.000
94	BDG94	Xarelto	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	16.000
95	BDG95	Lipitor	Atorvastatin	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	11.000
96	BDG96	Lipitor	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	80.000
97	BDG97	Crestor 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	75.000
98	BDG98	Lipanthyl 200M	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	5.500
99	BDG99	Lipanthyl NT 145mg	Fenofibrate	145mg	Uống	Viên	Viên	BDG	20.000
100	BDG100	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	BDG	115.000
101	BDG101	Nexium Mups	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	BDG	18.500
102	BDG102	Nexium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống kháng dịch vị	Gói/Túi	BDG	1.200
103	BDG103	Nexium	Esomeprazol natri (trương đương với esomeprazol 40mg)	42,5mg	Tiêm/Ti êm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ổng/ Gói/Túi	BDG	4.000
104	BDG104	Solu-Medrol	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg	Tiêm/Ti êm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/L ọ/Ổng/ Gói/Túi	BDG	2.000
105	BDG105	Duphaston	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	7.000
106	BDG106	Glucophage XR 750mg	Metformin hydrochlorid	750mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	35.600
107	BDG107	Glucophage 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	102.000
108	BDG108	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	230.000
109	BDG109	Diamicron MR 60mg	Gliclazide	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	26.500
110	BDG110	Diamicron MR	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	28.200
111	BDG111	Flixotide Evohaler	Fluticasone propionate	125mcg/ liều xịt	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	180
112	BDG112	Zoloft	Sertraline	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	13.000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
113	BDG113	Ventolin Inhaler	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Đường hô hấp	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	580
114	BDG114	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised); Fluticason propionate (dạng micronised)	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25 mcg; Fluticason propionate (dạng micronised) 250mcg	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	420
115	BDG115	Pulmicort Respules	Budesonid	500mcg/2ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Nang/Ố ng/Lọ	BDG	11.000
116	BDG116	Symbicort Turbuhaler	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	(160mcg; 4,5mcg)/liều; 60 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	700
117	BDG117	Elthon 50mg	Itoprid hydrochloride	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	60.000
118	BDG118	Betaloc Zok 50mg	Metoprolol succinat (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	47,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	12.000
119	BDG119	Cellcept	Mycophenolate mofetil	250mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	17.500
120	BDG120	Brilinta	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén	Viên	BDG	40.000
121	BDG121	Hidrasec 10mg Infants	Racecadotril	10mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	15.000
122	BDG122	Hidrasec 30mg Children	Racecadotril	30mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Túi	BDG	3.700
123	BDG123	Tagrisso	Osimertinib (tương đương 95,4 mg Osimertinib mesylat)	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	400
124	BDG124	Viagra	Sildenafil	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	700
125	BDG125	Betmiga 50mg	Mirabegron	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	viên	BDG	5.000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
126	BDG126	Visanne 2mg tablets	Dienogest	2mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
127	BDG127	Yasmin	Drospirenon, Ethinylestradiol	3mg; 0,03mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
128	BDG128	Lixiana	Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosilat)	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
129	BDG129	Lixiana	Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosilat)	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.600
130	BDG130	Risperdal	Risperidone	1mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
131	BDG131	Avamys	Fluticason furoat	27,5 mcg/ liều xịt;120 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	540
132	BDG132	Flumetholon 0.1	Fluorometholon	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ống	BDG	3.400
133	BDG133	Aerius	Desloratadine	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	25.000
134	BDG134	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp/L ọ	BDG	1.100
135	BDG135	Depo-Medrol	Methylprednisolon acetat	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ /túi/ống /gói	BDG	10.000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
136	BDG136	Ketosteril	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α -ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α -ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α -ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α -ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α -hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-lysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg	Uống	Viên	Viên	BDG	31.000
137	BDG137	Levothyrox	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên	Viên	BDG	41.000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
138	BDG138	Daflon 500mg	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	450mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	85.000
139	BDG139	Vastarel OD 80mg	Trimetazidin dihydrochloride	80mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	100.000
140	BDG140	Ventolin nebules	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Mỗi 2,5ml chứa Salbutamol (dưới dạng Salbutamol Sulfat) 5mg	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Nang	BDG	7.000
141	BDG141	Trileptal	Oxcarbazepine	300mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3000
142	BDG142	Luvox 100mg	Fluvoxamine maleate	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3000
143	BDG143	Seroquel XR	Quetiapin (dưới dạng Quetiapin fumarat)	50mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	3000
144	BDG144	Broncho-Vaxom Children	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 20 mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branliamella/Neisseria) catarrhalis 3,5 mg	3,5mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	12000
145	BDG145	Klacid 250mg	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1000
146	BDG146	Prograf 1mg	Tacrolimus	1mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	5400
147	BDG147	Ilomedin 20	Iloprost (dưới dạng Iloprost trometamol)	20mcg/ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ /túi/ống /gói	BDG	600
148	BDG148	Sandimmun Neoral 100mg	Ciclosporin	100mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	5400
149	BDG149	Eumovate cream	Clobetasone butyrate (dưới dạng micronised)	0,05% (kl/kl)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	BDG	1800
150	BDG150	Lipitor	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	30000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
151	BDG151	Diquas	Natri diquafosol	30mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ổng	BDG	500
152	BDG152	Taflotan-S	Tafluprost	4,5mcg/0,3ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/L ọ/Ổng	BDG	100
153	BDG153	Adalat LA 30mg	Nifedipin	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	12000
154	BDG154	Bifril	Zofenopril calci	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG	14000
155	BDG155	Eliquis	Apixaban	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4000
156	BDG156	Eliquis	Apixaban	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4000
157	BDG157	Crestor 20mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	30000
158	BDG158	Brilinta	Ticagrelor	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG	16000
159	BDG159	Xigduo XR	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg;1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	45000
160	BDG160	Diovan 80	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	9000
161	BDG161	Diovan 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5000
162	BDG162	Exforge HCT 10mg/160mg/12 .5mg	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate); Valsartan; Hydrochlorothiazid e	10mg; 160mg; 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	8500
163	BDG163	Exforge HCT 5mg/160mg/12. 5mg	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate); Valsartan; Hydrochlorothiazid e	5mg; 160mg; 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	7000
164	BDG164	Co-Diovan 80/12,5	Valsartan; Hydrochlorothiazid e	80mg; 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	8500
165	BDG165	Co-Diovan 160/25	Valsartan; Hydrochlorothiazid e	160mg; 25mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5000
166	BDG166	Trajenta	Linagliptin	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	10000
167	BDG167	Levothyrox	Levothyroxine natri	75mcg	Uống	Viên	Viên	BDG	10000
168	BDG168	Spasmomen	Otilonium bromide	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5000
169	BDG169	Duspatalin retard	Mebeverine hydrochloride	200mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	BDG	30000
170	BDG170	Pantoloc 40mg	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole sodium sesquihydrate)	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	BDG	10000

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
171	BDG171	Mycamine for injection 50mg/vial	Micafungin natri	50mg (dạng hoạt tính)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	BDG	50
172	BDG172	Galvus	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5000
173	BDG173	Broncho- Vaxom Adults	Chất ly giải vi khuẩn đông khô tiêu chuẩn 40 mg tương đương chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae, Streptococcus (Diplococcus) pneumoniae, Klebsiella pneumoniae ssp. pneumonia và ssp. ozaenae, Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes và sanguinis (viridans), Moraxella (Branhamella/ Neisseria) catarrhalis 7 mg	7mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	8000
174	BDG174	Trajenta Duo	Linagliptin; Metformin hydrochloride	2,5mg; 1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2000
175	BDG175	NovoMix 30 FlexPen	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5mg)	100 U/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm/B út tiêm	BDG	200
176	BDG176	Symbicort Turbuhaler	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	(160mcg; 4,5mcg)/liều; 120 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/H ộp/Chai /Lọ/Ốn g	BDG	600
177	BDG177	Arimidex	Anastrozol	1mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1000
178	BDG178	Ibrance 125mg	Palbociclib	125mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	300
179	BDG179	Ibrance	Palbociclib	100mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	100

Tổng số 179 khoản

PHỤ LỤC II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 1724/BVT-KD ngày 12/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá :
(Tên, Địa chỉ, Số điện thoại, email)

Kính gửi : Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện đề nghị của Quý Bệnh viện về việc cung cấp báo giá thuốc tại Thông báo số 1724/BVT-KD ngày 12/06/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
Công ty xin trân trọng gửi bảng báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh, cụ thể như sau:

TT	Mã theo danh mục mời báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Quy cách đóng gói	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá KK/KKL còn hiệu lực (VNĐ)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Giá trúng thầu trong 12 tháng gần nhất (nếu có)			Ghi chú
															Giá trúng thầu (có VAT) VNĐ	Số QĐ phê duyệt trúng thầu, đơn vị trúng thầu	Ngày Quyết định phê duyệt trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1																		
2																		
...																		

Ghi chú:

- Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin
- (3),(8) Công ty cung cấp thông tin của mặt hàng thuốc báo giá theo quy định của Thông tư số 07/2024/TT-BYT.
- (15) Đơn giá là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
- (16,17,18) Đơn vị kèm theo Quyết định hoặc thông báo trúng thầu (nếu có) kèm theo.

Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày .../.../....đến ngày..../.../....

....., ngày ... tháng ... năm 20....
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY
(ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

